

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 24/2011/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 29 tháng 8 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ LOẠI PHÍ VÀ LỆ PHÍ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
BÌNH ĐỊNH**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/10/2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2011/NQ-HĐND ngày 18/8/2011 của HĐND tỉnh Khoá XI, kỳ họp thứ 2 về việc sửa đổi, bổ sung một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định sửa đổi, bổ sung một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Giao Cục trưởng Cục Thuế tỉnh hướng dẫn các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Quyết định này sửa đổi, bổ sung một số loại phí, lệ phí: Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Quyết định số 16/2010/QĐ-UBND ngày 10/8/2010; Phí vệ sinh quy định tại Quyết định số 24/2007/QĐ-UBND ngày 15/8/2007 của UBND tỉnh; Phí chợ quy định tại Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 07/01/2008 của UBND tỉnh; Phí tham quan quy định tại Quyết định số 38/2009/QĐ-UBND ngày 08/9/2009 và Quyết định số 19/2009/QĐ-UBND ngày 02/7/2009 của UBND tỉnh; Tỷ lệ phần trăm (%) thu lệ phí trước bạ quy định tại Quyết định số 43/2008/QĐ-UBND ngày 30/12/2008 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Quốc Dũng

QUY ĐỊNH

VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ PHÍ VÀ LỆ PHÍ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/2011/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 của UBND tỉnh)

1. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận gồm 02 trường hợp như sau:

- Trường hợp 1: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sử dụng đất (Thửa đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất).

- Các trường hợp còn lại bao gồm: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu tài sản trên đất; Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân về quyền sử dụng đất cùng với quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Số TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Trường hợp 1	Các trường hợp còn lại
I	Đối với tổ chức			
1	Cấp lần đầu			
a	Các phường nội thành thuộc TP Quy Nhơn	đồng/giấy	100.000	500.000
b	Khu vực khác	đồng/giấy	100.000	450.000
2	Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận			
a	Các phường nội thành thuộc TP Quy Nhơn	đồng/lần	20.000	50.000
b	Khu vực khác	đồng/lần	20.000	40.000
II	Đối với cá nhân, hộ gia đình			
1	Cấp lần đầu			
a	Các phường nội thành thuộc TP Quy Nhơn	đồng/giấy	25.000	100.000
b	Khu vực khác	đồng/giấy	Miễn	Miễn
2	Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận			
a	Các phường nội thành thuộc TP Quy Nhơn	đồng/lần	20.000	20.000
b	Khu vực khác	đồng/lần	Miễn	Miễn

2. Phí vệ sinh

STT	Đối tượng nộp	Đơn vị tính	Mức thu tối đa
-----	---------------	-------------	----------------

A	B	1	2
1	Đối với các cá nhân, hộ gia đình	đồng/hộ/tháng	20.000
2	Đối với các hộ kinh doanh buôn bán nhỏ, trường học, nhà trẻ, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp, cơ quan hành chính, sự nghiệp	đồng/đơn vị/tháng	80.000
3	Đối với các cửa hàng, khách sạn, nhà hàng kinh doanh hàng ăn uống	đồng/cửa hàng/tháng	200.000
		đồng/m ³ rác	160.000
4	Đối với các nhà máy, bệnh viện, cơ sở sản xuất, chợ, nhà ga, bến tàu, bến xe	đồng/m ³ rác	160.000
5	Đối với các công trình xây dựng	đồng/m ³ rác	160.000
		Giá trị xây lắp công trình	0,05%

Căn cứ khung mức thu tối đa nêu trên, các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải có trách nhiệm xây dựng phương án thu phí vệ sinh theo từng dự án hoặc địa bàn hoạt động, mức thu không được vượt quá khung mức thu tối đa trình UBND tỉnh xem xét, quyết định mức thu cụ thể, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương (thông qua Cục Thuế tỉnh thẩm tra, đề nghị).

3. Phí chợ.

Số TT	Đối tượng nộp	Đơn vị tính	Mức thu
A	B	1	2
1	Chợ có người buôn bán không thường xuyên, không cố định tại chợ	đồng/người/ngày	
	- Hàng hóa nhỏ, lẻ hoặc chiếm diện tích < 0,5 m ²	nt	1.500
	- Hàng hóa ít hoặc chiếm diện tích từ 0,5 - < 1 m ²	nt	2.000
	- Hàng hóa trung bình hoặc chiếm diện tích từ 1 m ² - < 1,5 m ²	nt	3.000
	- Hàng hóa tương đối nhiều hoặc chiếm diện tích từ 1,5 m ² - < 2 m ²	nt	5.000
	- Hàng hóa nhiều và chiếm diện tích từ 2 m ² trở lên	nt	6.000
2	Chợ có hộ đặt cửa hàng, cửa hàng buôn bán cố định thường xuyên tại chợ:	đồng/m ² /tháng	
	- Lô có vị trí kinh doanh thuận lợi	nt	25.000

- Lô có vị trí kinh doanh bình thường	nt	20.000
- Lô có vị trí kinh doanh không thuận lợi	nt	12.000

4. Phí tham quan.

- a. Mức thu phí tham quan tại Bảo tàng Quang Trung là 14.000 đồng/lượt/người.
- b. Mức thu phí tham quan tại Tháp Dương Long (huyện Tây Sơn) là 7.000 đồng/lượt/người.
- c. Mức thu phí tham quan tại Tháp Bánh Ít (huyện Tuy Phước) là 7.000 đồng/lượt/người.
- d. Mức thu phí tham quan tại Tháp Cánh Tiên (huyện An Nhơn) là 7.000 đồng/lượt/người.

5. Về tỷ lệ % thu lệ phí trước bạ đối với xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi: Tỷ lệ phần trăm (%) thu lệ phí trước bạ đối với xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (Kể cả lái xe) áp dụng mức thu là: 10%.